

Số: TVHN-63/AGIA

An Giang, ngày 04 tháng 3 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm theo triều, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước biến đổi chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 03/3 đều thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-35cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên theo triều, mực nước cao nhất ngày 03/3 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 30-40cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 03/3 phổ biến ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-40cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 03/3 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 47cm, xuống 06cm so với đỉnh triều ngày hôm

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh lên chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước trên các sông, kênh, rạch lên nhanh theo triều trong 5 ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong 1-2 ngày đầu, những ngày tiếp theo có khả năng lên nhanh do ảnh hưởng mưa lớn nội vùng.
- + Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm theo triều biển Tây, đến ngày 06/3 có xu thế lên trở lại.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sông, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 05/3/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phan Minh Đạt

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng		So với		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	03/3		02/03		kỳ 2025		TBNN		04/3	05/3	06/3	07/3	08/3
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	133	7	▲	-7	▼	19	▲	138	142	140	138	135
					Hmin	-19	4	▲	-9	▼	-36	▼	-15	-10	-12	-14	-17
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	136	11	▲	-14	▼	25	▲	147	151	149	147	142
					Hmin	-42	5	▲	-19	▼	-31	▼	-38	-31	-35	-39	-46
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	114	2	▲	-1	▼	11	▲	116	118	116	114	111
					Hmin	31	3	▲	-2	▼	-6	▼	27	32	30	28	25
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	144	9	▲	-15	▼	25	▲	152	157	154	151	146
					Hmin	-29	4	▲	-19	▼	-39	▼	-25	-20	-23	-26	-29
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	153	11	▲	-13	▼	35	▲	160	164	162	160	155
					Hmin	-36	5	▲	-17	▼	-16	▼	-33	-26	-30	-34	-41
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	142	11	▲	-8	▼	24	▲	153	157	155	153	149
					Hmin	-37	5	▲	-15	▼	-35	▼	-32	-25	-29	-33	-40
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	56	-2	▼	18	▲	16	▲	54	53	51	49	47
					Hmin	29	-5	▼	17	▲	12	▲	26	25	24	23	22
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	48	-3	▼	22	▲	19	▲	47	46	44	42	40
					Hmin	39	-5	▼	18	▲	13	▲	37	36	33	32	31
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	53	-3	▼	19	▲	13	▲	52	51	49	47	45
					Hmin	45	-8	▼	14	▲	10	▲	43	42	39	38	37
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	57	-3	▼	21	▲	19	▲	56	55	53	51	49
					Hmin	47	-8	▼	14	▲	14	▲	45	44	41	40	39
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	63	-5	▼	17	▲	19	▲	62	61	59	57	55
					Hmin	53	-8	▼	13	▲	15	▲	51	50	47	46	45
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	60	-2	▼	15	▲	19	▲	58	57	55	53	51
					Hmin	31	-3	▼	12	▲	12	▲	28	27	26	25	23
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	74	-2	▼	18	▲	35	▲	73	72	70	68	66
					Hmin	56	-4	▼	16	▲	27	▲	54	53	50	49	48
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	60	-5	▼	11	▲	17	▲	59	58	56	54	52
					Hmin	51	-6	▼	6	▲	16	▲	49	48	45	44	43
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	46	-4	▼	19	▲	23	▲	45	44	42	40	38
					Hmin	32	-6	▼	16	▲	15	▲	30	29	26	25	24
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	87	-4	▼	14	▲	32	▲	86	85	83	81	79
					Hmin	68	-4	▼	12	▲	28	▲	66	65	62	61	60
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	109	-3	▼	10	▲	32	▲	108	107	105	103	101
					Hmin	61	-1	▼	7	▲	17	▲	59	58	55	54	53

Rạch Giá- Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	80	-3	▼	10	▲	17	▲	79	78	76	74	72
					Hmin	53	-2	▼	5	▲	9	▲	51	50	47	46	45
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	65	-4	▼	8	▲	11	▲	64	63	61	59	57
					Hmin	49	-3	▼	3	▲	7	▲	47	46	43	42	41
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	48	-4	▼	7	▲	11	▲	47	46	44	42	40
					Hmin	36	-1	▼	2	▲	16	▲	34	33	30	29	28
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	33	-2	▼	4	▲	-3	▼	31	32	32	33	31
					Hmin	-7	-2	▼	-22	▼	8	▲	-6	-7	-9	-7	-5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	47	-6	▼	-8	▼	3	▲	42	40	44	50	55
					Hmin	-27	6	▲	1	▲	1	▲	-23	-16	-14	-18	-26

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





